

Hà Nội, ngày 04 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động
của Cục Sở hữu trí tuệ**

BỘ TRƯỞNG

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 69/QĐ-BKHHCN ngày 15 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Chánh Văn phòng Bộ và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, Vụ TCCB.



Chu Ngọc Anh

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2525/QĐ-BKHCN ngày 04 / 9 /2018
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

Chương I

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 1. Vị trí, chức năng

1. Cục Sở hữu trí tuệ là tổ chức trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, có chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng thống nhất quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; trực tiếp quản lý nhà nước và tổ chức thực hiện các hoạt động sự nghiệp về sở hữu công nghiệp theo quy định của pháp luật.

Cục Sở hữu trí tuệ có tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh là: Intellectual Property Office of Viet Nam (viết tắt là IP Viet Nam).

2. Cục Sở hữu trí tuệ có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản nội tệ, ngoại tệ tại Kho bạc nhà nước và Ngân hàng để hoạt động và giao dịch theo quy định của pháp luật.

Cục Sở hữu trí tuệ có trụ sở chính đặt tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ:

a) Dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ;

b) Dự thảo các cơ chế, chính sách và giải pháp để thúc đẩy hoạt động sở hữu trí tuệ;

c) Dự thảo chương trình, đề án chung về sở hữu trí tuệ, các biện pháp phối hợp giữa các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ;

d) Dự thảo chiến lược phát triển, quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 05 năm, hằng năm, chương trình, đề án, dự án về sở hữu công nghiệp.

2. Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, các cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc ban hành.

3. Ban hành theo thẩm quyền các văn bản hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, văn bản nội bộ, văn bản cá biệt khác thuộc phạm vi quản lý của Cục.

4. Tổ chức thực hiện việc xác lập quyền sở hữu công nghiệp, đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp và thực hiện các thủ tục khác liên quan đến Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp theo quy định của pháp luật.

5. Quản lý hoạt động đại diện sở hữu công nghiệp và hoạt động giám định sở hữu công nghiệp trên phạm vi cả nước:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật đối với hoạt động đại diện sở hữu công nghiệp, hoạt động giám định sở hữu công nghiệp;

b) Tổ chức kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp, nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp; cấp và thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, Thẻ Giám định viên sở hữu công nghiệp;

c) Ghi nhận và xóa tên tổ chức kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp; cấp, thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp.

6. Thực hiện các biện pháp trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ để triển khai việc quản lý và hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động sáng kiến và đổi mới sáng tạo trong phạm vi cả nước theo quy định của pháp luật.

7. Hướng dẫn, kiểm tra hoạt động và việc chấp hành các quy định pháp luật của các hội trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp theo phân công của Bộ trưởng; đề xuất biện pháp xử lý các vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tổ chức lấy ý kiến của các hội để hoàn thiện các quy định của pháp luật và phát triển hoạt động sở hữu trí tuệ.

8. Xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu thông tin sở hữu công nghiệp, xây dựng công cụ tra cứu, hướng dẫn tra cứu và sử dụng thông tin sở hữu công nghiệp; bảo đảm khả năng tiếp cận các kho thông tin cho các đối tượng có nhu cầu dùng tin; tổ chức việc cung ứng thông tin sở hữu công nghiệp phục vụ công tác quản lý nhà nước và các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản xuất, kinh doanh; công bố các thông tin liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp được bảo hộ tại Việt Nam.

9. Chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Nhà nước, tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.

10. Giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến xác lập quyền sở hữu công nghiệp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

11. Tham gia giải quyết các tranh chấp về sở hữu công nghiệp và tranh chấp thương mại liên quan đến sở hữu công nghiệp thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật; cung cấp ý kiến chuyên môn phục vụ việc giải quyết các tranh chấp, vi phạm pháp luật về sở hữu công nghiệp.

12. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tiến hành các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, nâng cao kiến thức pháp luật về sở hữu trí tuệ.

13. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, cấp Giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo, bồi dưỡng về sở hữu trí tuệ; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho các cơ quan quản lý, tổ chức và cá nhân hoạt động trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.

14. Tư vấn về xác lập, bảo vệ, quản lý và phát triển giá trị quyền sở hữu công nghiệp theo quy định của pháp luật; hỗ trợ việc áp dụng và chuyển giao sáng chế nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất và kinh doanh.

15. Thực hiện hợp tác quốc tế về sở hữu công nghiệp theo quy định của pháp luật; xây dựng, tham gia đàm phán để ký kết gia nhập và tổ chức thực hiện các điều ước quốc tế chung về sở hữu trí tuệ; đề xuất xử lý các vấn đề tranh chấp quốc gia liên quan đến sở hữu trí tuệ.

16. Tổ chức và quản lý việc cung cấp các dịch vụ công trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp theo quy định của pháp luật.

17. Tổ chức nghiên cứu khoa học, thống kê về sở hữu công nghiệp.

18. Tổng hợp, đánh giá, báo cáo Bộ trưởng để báo cáo Chính phủ về tình hình hoạt động bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, đề xuất các chính sách, biện pháp cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả của hệ thống sở hữu trí tuệ và đảm bảo thống nhất quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.

19. Quản lý và tổ chức thực hiện các chương trình đầu tư phát triển chung về sở hữu trí tuệ và các dự án đầu tư thuộc Cục Sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật.

20. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch cải cách hành chính phù hợp với chương trình, kế hoạch cải cách hành chính nhà nước của Bộ.

21. Thu, quản lý và sử dụng phí, lệ phí và các khoản thu dịch vụ khác trong hoạt động sở hữu công nghiệp theo quy định của pháp luật.

22. Quản lý công chức, viên chức, người lao động, tài chính, tài sản và tài liệu của Cục theo phân cấp của Bộ và quy định của pháp luật.

23. Thực hiện các nhiệm vụ khác được Bộ trưởng giao.

Chương II

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Điều 3. Lãnh đạo Cục

1. Lãnh đạo Cục Sở hữu trí tuệ có Cục trưởng và không quá 03 Phó Cục trưởng.

2. Cục trưởng do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ bổ nhiệm, miễn nhiệm và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ.

3. Các Phó Cục trưởng giúp Cục trưởng trong việc lãnh đạo công tác của Cục, được quyết định những vấn đề thuộc phạm vi nhiệm vụ được phân công và

chịu trách nhiệm trước Cục trưởng, trước pháp luật về những công việc được giao. Các Phó Cục trưởng do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ bổ nhiệm trên cơ sở đề nghị của Cục trưởng

4. Trong trường hợp Cục trưởng vắng mặt, một Phó Cục trưởng được Cục trưởng uỷ quyền thay mặt Cục trưởng lãnh đạo và điều hành hoạt động của Cục.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức

1. Các đơn vị giúp Cục trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước

- a) Văn phòng Cục.
- b) Phòng Kế hoạch - Tài chính.
- c) Phòng Tổ chức cán bộ.
- d) Phòng Đăng ký.
- đ) Phòng Pháp chế và Chính sách.
- e) Phòng Hợp tác quốc tế.
- g) Phòng Thực thi và Giải quyết khiếu nại.
- h) Văn phòng đại diện Cục Sở hữu trí tuệ tại thành phố Hồ Chí Minh.
- i) Văn phòng đại diện Cục Sở hữu trí tuệ tại thành phố Đà Nẵng.

Văn phòng Cục, các Văn phòng đại diện có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước và Ngân hàng để hoạt động và giao dịch theo quy định của pháp luật.

2. Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Cục

- a) Trung tâm Thẩm định Sáng chế.
- b) Trung tâm Thẩm định Kiểu dáng công nghiệp.
- c) Trung tâm Thẩm định Nhãn hiệu.
- d) Trung tâm Thẩm định Chỉ dẫn địa lý và Nhãn hiệu quốc tế.
- đ) Trung tâm Thẩm định sau cấp Văn bằng bảo hộ.
- e) Trung tâm Thông tin sở hữu công nghiệp.
- g) Trung tâm Công nghệ thông tin.
- h) Trung tâm Nghiên cứu, Đào tạo và Hỗ trợ, Tư vấn.

Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Cục quy định tại khoản 2 Điều này có tư cách pháp nhân, con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước và Ngân hàng để hoạt động và giao dịch theo quy định của pháp luật.

3. Việc thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị trực thuộc Cục Sở hữu trí tuệ do Bộ trưởng quyết định trên cơ sở đề nghị của Cục trưởng Cục

Sở hữu trí tuệ và Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

4. Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và hoạt động của các đơn vị trực thuộc Cục trong phạm vi thẩm quyền được giao theo quy định của pháp luật.

5. Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức cấp trưởng, cấp phó các đơn vị thuộc Cục theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý công chức, viên chức của Bộ.

Điều 5. Nhân lực

1. Công chức, viên chức.
2. Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động.

Điều 6. Chế độ làm việc

1. Cục Sở hữu trí tuệ được tổ chức và hoạt động theo chế độ thủ trưởng, kết hợp với bàn bạc tập thể.

2. Cục Sở hữu trí tuệ thực hiện chế độ làm việc, quan hệ công tác với các đơn vị thuộc Bộ theo quy chế làm việc của Bộ và các quy định khác có liên quan.

3. Cục Sở hữu trí tuệ có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan ngoài Bộ theo đúng quy định trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.



Chương III

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, TÀI SẢN

Điều 7. Nguồn thu

1. Từ ngân sách nhà nước cấp.
2. Từ phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.
3. Từ các hoạt động sự nghiệp, dịch vụ có liên quan.
4. Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Các khoản chi

1. Chi hoạt động thường xuyên theo chức năng, nhiệm vụ được giao.
2. Chi hoạt động sự nghiệp, hoạt động cung ứng dịch vụ.
3. Chi thuê lao động.
4. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Quản lý tài chính, tài sản

Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ có trách nhiệm quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn tài chính, tài sản của Cục; thực hiện nghĩa vụ tài chính và chế độ kế toán theo quy định của pháp luật; xây dựng và thực hiện chế độ tài chính nội bộ của Cục theo quy định của pháp luật.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ phối hợp với Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ tổ chức thực hiện Điều lệ này.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này do Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ phối hợp với Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ đề nghị Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định./.



Chu Ngọc Anh